

Số: 58/CBTT-VOSA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất năm 2025 (đã được kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Mã chứng khoán: VSA

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

- Điện thoại liên hệ: (028) 54161820 / 54161821 / 54161822

- Email: vosagroup@vosagroup.com

Website: www.vosa.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất năm 2025.

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/02/2026 tại đường dẫn: <https://vosa.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất năm 2025;

Đại diện công bố thông tin



Trần Công Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 55

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 từ trang 07 đến trang 55 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 11 năm 2025.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Ông Trần Hồng Quang	Thành viên	
Ông Đặng Hồng Trường	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Thế Tiệp	Thành viên độc lập	
Ông Phan Nhân Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Sơn Hà	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Nhân Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Bổ nhiệm ngày 04/04/2025
		Miễn nhiệm ngày 01/11/2025
Ông Nguyễn Đình Tú	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Miễn nhiệm ngày 01/04/2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trưởng phòng Tài chính kế toán của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch HĐQT.

Theo Quyết định số 206/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 30/10/2025, Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Phan Nhân Thảo giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 01/11/2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo này.

Theo Quyết định số 86/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 22/05/2024, Ông Nguyễn Đình Tú thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025.

Theo Nghị quyết số 10/NQ-TH/HĐQT ngày 04/04/2025, Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 04/04/2025 đến ngày 31/10/2025.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Nhân Thảo
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Số: 05 /2026/UHYHCM - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 12 tháng 02 năm 2026, từ trang 07 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Điền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2026-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		514.566.177.826	484.055.472.785
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	229.002.506.262	220.057.534.001
Tiền	111		118.002.506.262	94.835.534.001
Các khoản tương đương tiền	112		111.000.000.000	125.222.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	66.120.000.000	27.820.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		66.120.000.000	27.820.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.231.060.077	217.564.849.222
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	139.013.924.089	147.980.263.768
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	16.320.870.593	9.567.699.446
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	49.185.383.610	60.286.829.902
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(289.118.215)	(269.943.894)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.212.611.487	18.613.089.562
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.600.298.077	4.949.059.414
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.378.097.031	13.519.501.721
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	234.216.379	144.528.427
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.577.730.028	133.184.012.778
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.057.620.825	3.869.666.325
Phải thu dài hạn khác	216	10	2.057.620.825	3.869.666.325
Tài sản cố định	220		46.783.456.742	57.578.004.279
Tài sản cố định hữu hình	221	13	35.163.321.796	40.356.773.297
- Nguyên giá	222		138.410.946.153	160.433.199.313
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.247.624.357)	(120.076.426.016)
Tài sản cố định vô hình	227	14	11.620.134.946	17.221.230.982
- Nguyên giá	228		15.674.112.996	22.440.639.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.053.978.050)	(5.219.408.661)
Bất động sản đầu tư	230	15	19.353.879.827	14.586.138.347
- Nguyên giá	231		107.706.916.115	75.678.647.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(88.353.036.288)	(61.092.509.208)
Tài sản dở dang dài hạn	240		212.326.667	358.541.667
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	212.326.667	358.541.667
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	5.194.976.723	3.649.376.723
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.500.873.059	1.955.273.059
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.694.103.664	1.694.103.664
Tài sản dài hạn khác	260		51.975.469.244	53.142.285.437
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	51.975.469.244	53.124.756.450
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	17.528.987
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		640.143.907.854	617.239.485.563

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		301.262.011.121	274.658.730.567
Nợ ngắn hạn	310		298.945.180.370	272.767.665.050
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	92.116.028.826	105.907.067.015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	11.606.618.511	11.760.084.030
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	10.276.166.600	7.806.659.382
Phải trả người lao động	314		33.630.412.582	26.975.717.755
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	8.747.430.621	9.126.330.594
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		976.927.264	148.545.452
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	132.243.041.206	103.696.641.101
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	1.674.867.962	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	7.673.686.798	7.346.619.721
Nợ dài hạn	330		2.316.830.751	1.891.065.517
Chi phí phải trả dài hạn	333	21	450.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337	22	1.784.700.288	1.816.487.884
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		82.130.463	74.577.633
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		338.881.896.733	342.580.754.996
Vốn chủ sở hữu	410	25	338.881.896.733	342.580.754.996
Vốn góp của chủ sở hữu	411		140.964.860.000	140.964.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.964.860.000	140.964.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		169.057.359.067	165.913.555.864
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.859.677.666	35.702.339.132
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.123.749.363	13.786.048.697
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.735.928.303	21.916.290.435
TỔNG NGUỒN VỐN	440		640.143.907.854	617.239.485.563

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Lê Phạm Mỹ Hằng



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phan Nhân Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.079.615.180.211	1.101.209.084.537
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27	1.079.615.180.211	1.101.209.084.537
Giá vốn hàng bán	11	28	982.715.650.407	1.015.436.206.480
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.899.529.804	85.772.878.057
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	19.808.932.450	18.499.343.311
Chi phí tài chính	22	30	2.981.850.393	4.089.969.856
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		97.003.754	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(372.888.166)
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	81.189.512.971	73.260.286.959
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.537.098.890	26.549.076.387
Thu nhập khác	31	32	696.105.305	1.681.757.111
Chi phí khác	32	33	2.835.968.458	426.462.122
Lợi nhuận khác	40		(2.139.863.153)	1.255.294.989
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.397.235.737	27.804.371.376
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	6.636.225.617	5.831.032.295
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	25.081.817	57.048.646
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.735.928.303	21.916.290.435
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		23.735.928.303	21.916.290.435
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.684	1.109
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	37	1.684	1.109

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Lê Phạm Mỹ Hằng

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phan Nhân Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		30.397.235.737	27.804.371.376
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.704.882.174	10.176.686.952
Các khoản dự phòng	03		19.174.321	47.935.805
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		345.620.353	239.470.975
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(8.910.998.679)	(5.486.587.029)
Chi phí lãi vay	06		97.003.754	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.652.917.660	32.781.878.079
Giảm các khoản phải thu	09		17.092.418.596	41.274.572.386
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		25.062.971.005	16.868.618.324
Giảm chi phí trả trước	12		2.498.048.543	905.179.806
Tiền lãi vay đã trả	14		(97.003.754)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.565.995.525)	(8.583.226.605)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.962.990.489)	(6.588.045.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.680.366.036	76.658.976.237
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.057.444.529)	(2.272.115.310)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.000.000	134.360.270
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.500.000.000)	(3.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.200.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.545.600.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.921.833.626	5.807.898.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.891.210.903)	570.143.416

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		9.502.668.332	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.827.800.370)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.158.554.000)	(45.121.475.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.483.686.038)	(45.121.475.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.305.469.095	32.107.644.453
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	220.057.534.001	187.193.875.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		639.503.166	756.014.335
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	229.002.506.262	220.057.534.001

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Lê Phạm Mỹ Hằng



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phan Nhân Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 11 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 là 140.964.860.000 đồng, được chia thành 14.096.486 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025 là 461 người (tại ngày 01/01/2025 là 480 người).

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: VSA.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi và bán hàng hóa.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.

Cuối năm 2024, Công ty đã thành lập 01 Công ty con sở hữu 100% trên cơ sở chuyển đổi hoạt động của Chi nhánh trực thuộc này như đã trình bày tại thuyết minh số 1.6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, từ ngày 01/01/2025 trở đi, toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh này đã được chuyển qua Công ty TNHH độc lập hạch toán riêng. Đến ngày 31/12/2025, Chi nhánh vẫn đang tiếp tục xử lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, tài sản để tiến tới đóng mã số thuế của Chi nhánh này trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (CN Vitamas) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý Vận tải quốc tế phía Bắc (*)	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận; vận tải biển
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu (**)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy	Tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
11	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối
13	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (*)	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)

(*) Theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-TH/HĐQT ngày 23/07/2025, Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của 05 Chi nhánh.

(**) Theo Nghị quyết số 239/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 28/11/2025, Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của chi nhánh Vũng Tàu từ ngày 01/01/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết chi tiết như sau:

Thông tin bổ sung về Công ty con, Công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (VND)	Vốn thực góp tại 31/12/2025 (VND)	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
<u>a. Công ty con</u>							
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (1)	Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Vận tải Container bằng đường bộ	35.000.000.000	35.000.000.000	100%	100%	100%	100%
+ Công ty TNHH Vitamas (2)	Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa	25.000.000.000	25.000.000.000	100%	100%	100%	100%
+ Công ty TNHH Vosa Sài Gòn (3)	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển	17.000.000.000	17.000.000.000	100%	100%	-	-
<u>b. Công ty liên kết</u>							
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa	36.243.000.000	36.243.000.000	20%	20%	20%	20%
+ Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi	7.728.000.000	7.728.000.000	20%	20%	-	-

- (1) Căn cứ theo Quyết định số 259/QĐ-VOSA/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 21/11/2023, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc, tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.
- (2) Căn cứ theo Quyết định số 258/QĐ-VOSA/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 21/11/2023, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Vitamas trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas), tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.
- (3) Căn cứ theo Quyết định số 222/QĐ-VOSA/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 21/11/2024, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn, tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Tập đoàn đã được kiểm toán. Trong đó, một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 36, 37 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Ngoài ra, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ là Nhà cửa, vật kiến trúc là toàn bộ giá trị cải tạo nội thất văn phòng với nguyên giá khoảng 2,97 tỷ đồng và đã thực hiện khấu hao trong 40 năm theo thời gian thuê.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44
Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất	33 - 50
Phần mềm vi tính	03 - 05

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính đối với nhóm tài sản Nhà cửa, vật kiến trúc là 05 - 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.10 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua do Công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con).

Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phải phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

AN UY

T
A
K
A
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong năm và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong năm bao gồm: Đại lý vận tải, đại lý tàu, kinh doanh kho bãi, đại lý liner, kiểm kiện hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ liên quan đến hàng hải, logistics.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam do đó không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp, tài sản, nợ phải trả.

5.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Tập đoàn là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần, các Công ty liên kết do Tập đoàn đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	84.291.494	144.701.769
Tiền gửi ngân hàng	117.918.214.768	94.690.832.232
Các khoản tương đương tiền (*)	111.000.000.000	125.222.000.000
Cộng	229.002.506.262	220.057.534.001

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 1,50%/năm đến 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025			Tại 01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM	30.720.000.000	30.720.000.000	-	26.820.000.000	26.820.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	400.000.000	400.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Sài Gòn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Cộng	66.120.000.000	66.120.000.000	-	27.820.000.000	27.820.000.000	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 3,0%/năm đến 6,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	139.013.924.089	(192.520.809)	147.980.263.768	(173.346.488)
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	3.967.129.294	-	23.910.382.470	-
- Công ty Cổ phần Netma	2.308.860.576	-	4.895.003.982	-
- Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP	6.135.497.058	-	7.008.672.607	-
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	14.646.693.907	-	14.116.722.448	-
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	9.775.429.599	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum Vina	3.446.528.700	-	4.129.749.475	-
- Công ty Cổ phần Alk Vina	1.265.961.502	-	2.529.391.000	-
- Công ty TNHH KD Sports Việt Nam	4.832.453.924	-	3.415.967.463	-
- Sripurna Incorporated Pte Ltd	-	-	-	-
- Công ty TNHH Fedex Logistics Việt Nam	1.740.918.139	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	90.894.451.390	(192.520.809)	87.974.374.323	(173.346.488)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.239.438.461	(125.410.683)	1.119.094.708	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	(125.410.683)	125.410.683	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	55.000.000	-	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	16.200.000	-	36.586.080	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	25.920.000	-	64.800.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	143.571.824	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	847.985.954	-	429.355.145	-
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	1.025.350.000	-	387.800.000	-
- Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	-	-	15.142.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.320.870.593	-	9.567.699.446	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	3.390.034.558	-	3.998.257.444	-
- Cảng dầu B12	2.044.003.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ Long	1.391.802.400	-	-	-
- Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng	2.744.762.371	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	6.750.268.264	-	5.569.442.002	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	330.026.400	-	-	-
- Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Hàng Hải VIMC- Chi Nhánh Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	330.026.400	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	49.185.383.610	(96.597.406)	60.286.829.902	(96.597.406)
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	37.536.482	-	33.543.534	-
- Tạm ứng	1.623.006.328	-	2.934.353.631	-
- Ký cược, ký quỹ	7.741.360.440	-	7.485.748.437	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	26.555.336.286	(96.597.406)	43.161.549.247	(96.597.406)
- Phải thu tiền cước cont	-	-	864.000.000	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.415.829.191	-	761.963.135	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.818.943.011	-	1.573.644.014	-
- Phải thu khác	9.993.371.872	-	3.472.027.904	-
Dài hạn	2.057.620.825	-	3.869.666.325	-
- Ký cược, ký quỹ	2.057.620.825	-	3.869.666.325	-
Cộng	51.243.004.435	(96.597.406)	64.156.496.227	(96.597.406)
Phải thu khác là các bên liên quan	3.681.931.121	-	3.735.316.051	-
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	357.798.600	-	357.798.600	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	1.505.189.510	-	1.664.846.256	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	-	139.027.181	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	1.818.943.011	-	1.573.644.014	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

11. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2025			Tại 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	317.879.699	(289.118.215)	28.761.484	317.879.699	(269.943.894)	47.935.805
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	(125.410.683)	-	125.410.683	(125.410.683)	-
Shipping Corporation of India	96.597.406	(96.597.406)	-	96.597.406	(96.597.406)	-
Công ty TNHH MTV Vận Tải Viễn Dương Vinashin	95.871.610	(67.110.126)	28.761.484	95.871.610	(47.935.805)	47.935.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.600.298.077	4.949.059.414
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	43.524.106	49.261.444
- Chi phí sửa chữa tài sản	65.472.778	189.589.034
- Chi phí mua bảo hiểm	13.188.529	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.478.112.664	4.710.208.936
Dài hạn	51.975.469.244	53.124.756.450
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	238.500.486	62.187.209
- Tiền thuê đất trả trước (*)	51.722.567.963	53.034.308.231
- Chi phí trả trước dài hạn khác	14.400.795	28.261.010
Cộng	55.575.767.321	58.073.815.864

(*) Là các khoản tiền thuê đất Công ty đã trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê của các lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hải Phòng.

Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2025 là 49.631.039.546 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2025 là 50.848.979.162 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong năm là 1.217.793.616 đồng). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	97.185.369.695	57.227.432.947	6.020.396.671	160.433.199.313
- Mua trong năm nay	-	1.524.725.455	259.091.481	1.783.816.936
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(23.864.741.913)	-	-	(23.864.741.913)
- Đầu tư XDCB hoàn thành	497.259.181	-	-	497.259.181
- Thanh lý, nhượng bán	-	(438.587.364)	-	(438.587.364)
Tại 31/12/2025	73.817.886.963	58.313.571.038	6.279.488.152	138.410.946.153
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2025	(68.438.342.036)	(45.935.525.574)	(5.702.558.406)	(120.076.426.016)
- Khấu hao trong năm	(1.697.793.398)	(2.381.135.268)	(278.428.783)	(4.357.357.449)
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	20.747.571.744	-	-	20.747.571.744
- Thanh lý, nhượng bán	-	438.587.364	-	438.587.364
- Phân loại lại	(217.457.671)	151.761.152	65.696.519	-
Tại 31/12/2025	(49.606.021.361)	(47.726.312.326)	(5.915.290.670)	(103.247.624.357)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	28.747.027.659	11.291.907.373	317.838.265	40.356.773.297
Tại 31/12/2025	24.211.865.602	10.587.258.712	364.197.482	35.163.321.796

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 54.960.129.145 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 70.153.754.675 đồng).

Giá trị còn lại của các Tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 5.687.587.416 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 0 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2025	17.727.428.525	4.713.211.118	22.440.639.643
- Mua trong năm	-	1.397.000.000	1.397.000.000
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(8.163.526.647)	-	(8.163.526.647)
Tại 31/12/2025	9.563.901.878	6.110.211.118	15.674.112.996
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2025	(2.173.637.651)	(3.045.771.010)	(5.219.408.661)
- Khấu hao trong năm	(31.664.994)	(971.005.136)	(1.002.670.130)
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	2.168.100.741	-	2.168.100.741
Tại 31/12/2025	(37.201.904)	(4.016.776.146)	(4.053.978.050)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	15.553.790.874	1.667.440.108	17.221.230.982
Tại 31/12/2025	9.526.699.974	2.093.434.972	11.620.134.946

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.190.029.300 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.108.079.300 đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	3.693.821.937	71.984.825.618	-	75.678.647.555
- Tăng từ phân loại lại	8.163.526.647	-	23.864.741.913	32.028.268.560
Tại 31/12/2025	11.857.348.584	71.984.825.618	23.864.741.913	107.706.916.115
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2025	(2.881.014.405)	(58.211.494.803)	-	(61.092.509.208)
- Khấu hao trong năm	(199.069.902)	(3.884.695.308)	(261.089.385)	(4.344.854.595)
- Tăng từ phân loại lại	(2.168.100.741)	-	(20.747.571.744)	(22.915.672.485)
Tại 31/12/2025	(5.248.185.048)	(62.096.190.111)	(21.008.661.129)	(88.353.036.288)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	812.807.532	13.773.330.815	-	14.586.138.347
Tại 31/12/2025	6.609.163.536	9.888.635.507	2.856.080.784	19.353.879.827

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31/12/2025 là 11.332.449.199 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 4.147.498.575 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng tường rào kho bãi 222 Đồng Đa	181.414.394	181.414.394
Chi phí khác	30.912.273	177.127.273
Cộng	212.326.667	358.541.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000	1.955.273.059	7.248.600.000	1.955.273.059
- Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)	1.545.600.000	1.545.600.000	-	-
Cộng	8.794.200.000	3.500.873.059	7.248.600.000	1.955.273.059

	Tại 31/12/2025			Tại 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.694.103.664	1.694.103.664	-	1.694.103.664	1.694.103.664	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (1)	1.072.836.000	1.072.836.000	-	1.072.836.000	1.072.836.000	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (2)	63.746.040	63.746.040	-	63.746.040	63.746.040	-
- Công ty Liên doanh Bông Sen (3)	557.521.624	557.521.624	-	557.521.624	557.521.624	-
Cộng	1.694.103.664	1.694.103.664	-	1.694.103.664	1.694.103.664	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty không tiến hành đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác do chưa có đầy đủ cơ sở để đánh giá. Vì vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

- (1) Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51% tương đương 51.000 USD. Phần lợi nhuận của liên doanh hàng năm vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd.
- (2) Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kế đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014 - 2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA được nhận khoản lợi tức đảm bảo là 5.000 USD và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.
- (3) Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hàng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hàng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin bổ sung về Công ty con, Công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (VND)	Vốn thực góp tại 31/12/2025 (VND)	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
<i>a. Công ty con</i>							
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (1)	Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Vận tải Container bằng đường bộ	35.000.000.000	35.000.000.000	100%	100%	100%	100%
+ Công ty TNHH Vitamas (2)	Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa	25.000.000.000	25.000.000.000	100%	100%	100%	100%
+ Công ty TNHH Vosa Sài Gòn (3)	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển	17.000.000.000	17.000.000.000	100%	100%	-	-
<i>b. Công ty liên kết</i>							
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa	36.243.000.000	36.243.000.000	20%	20%	20%	20%
+ Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi	7.728.000.000	7.728.000.000	20%	20%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	92.116.028.826	92.116.028.826	105.907.067.015	105.907.067.015
- Công ty TNHH Thăng Lát	-	-	8.776.868.864	8.776.868.864
- Công ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh	412.824.096	412.824.096	6.200.153.767	6.200.153.767
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	1.753.500.960	1.753.500.960	2.504.294.237	2.504.294.237
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Anh	3.516.018.262	3.516.018.262	5.423.090.820	5.423.090.820
- Euro Pac Logistics Pte., Ltd	750.944.222	750.944.222	955.560.897	955.560.897
- Công ty TNHH Thương mại Vạn Đạt Thái Bình	-	-	1.236.232.800	1.236.232.800
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Tân Trường	1.024.327.000	1.024.327.000	1.148.969.800	1.148.969.800
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Phúc Minh Phát	750.870.000	750.870.000	902.566.800	902.566.800
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	171.594.918	171.594.918	1.758.799.942	1.758.799.942
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cầu cảng Đa Phúc	1.157.097.165	1.157.097.165	3.365.820.599	3.365.820.599
- Công ty TNHH VN Anlogs	2.403.660.985	2.403.660.985	3.475.007.491	3.475.007.491
- Công ty TNHH IATA Việt Nam	2.186.038.551	2.186.038.551	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Minh Châu	2.735.586.000	2.735.586.000	663.228.000	663.228.000
- Phải trả người bán khác	75.253.566.667	75.253.566.667	69.496.472.998	69.496.472.998
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	4.512.121.724	4.512.121.724	3.849.459.208	3.849.459.208
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	581.077.746	581.077.746	254.201.458	254.201.458
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	195.745.406	195.745.406	-	-
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.619.277.295	3.619.277.295	3.575.217.879	3.575.217.879
- Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	104.400.000	104.400.000	20.039.871	20.039.871
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	11.621.277	11.621.277	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.606.618.511	11.606.618.511	11.760.084.030	11.760.084.030
- Chi Nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh - Phú Thọ	-	-	2.546.287.437	2.546.287.437
- Richland Bulk Pte. Ltd.	1.306.150.000	1.306.150.000	-	-
- Thông Yi Trading	13.478.863	13.478.863	326.273.345	326.273.345
- Hachiuma Steamship Co., Ltd	405.895.866	405.895.866	1.552.992.691	1.552.992.691
- Multi International Ltd	719.233.497	719.233.497	545.561.502	545.561.502
- Công ty TNHH Sản xuất Dương Linh	1.409.755.194	1.409.755.194	-	-
- Gio Shipping Co., Ltd	278.744.483	278.744.483	278.744.483	278.744.483
- Khách hàng khác	7.473.360.608	7.473.360.608	6.510.224.572	6.510.224.572
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	2.010.286	2.010.286	-	-
- Công ty Cổ phần Vận Tải Biển và Thương mại Phương Đông	2.010.286	2.010.286	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2025		Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2025	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	234.216.379	10.276.166.600	90.192.239.140	87.812.419.874	144.528.427	7.806.659.382
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	567.366.292	12.194.540.676	12.196.015.680	-	568.841.296
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.925.764	1.117.544.728	6.636.225.617	7.565.995.525	43.409.745	1.951.798.617
- Thuế thu nhập cá nhân	95.290.615	549.271.660	4.483.828.600	4.407.276.062	101.118.682	478.547.189
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	-	617.944.493	617.944.493	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	891.489.941	5.887.863.134	5.724.306.650	-	727.933.457
- Các loại thuế khác	-	7.150.493.979	60.371.836.620	57.300.881.464	-	4.079.538.823
+ Các loại thuế khác	-	102.749.400	776.683.916	952.235.603	-	278.301.087
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước	-	7.047.744.579	59.595.152.704	56.348.645.861	-	3.801.237.736
Cộng	234.216.379	10.276.166.600	90.192.239.140	87.812.419.874	144.528.427	7.806.659.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Ngắn hạn	8.747.430.621	9.126.330.594
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.279.626.085	6.798.753.561
- Thù lao	623.433.120	569.651.840
- Chi phí thuê nhà	1.544.089.350	-
- Trích trước chi phí thuê đất	888.762.295	12.952.727
- Các khoản trích trước khác	1.411.519.771	1.744.972.466
Dài hạn	450.000.000	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	450.000.000	-
Cộng	9.197.430.621	9.126.330.594

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Ngắn hạn	132.243.041.206	103.696.641.101
- Kinh phí công đoàn, các khoản BHXH	995.691.156	912.788.807
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	452.958.335	466.783.335
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	6.002.456.078	5.568.303.000
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	89.437.671.135	71.740.689.008
+ <i>Sinotrans Container Lines Co.Ltd</i>	33.540.419.965	11.737.124.908
+ <i>Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ</i>	3.349.781.405	-
+ <i>Shanghai Zhonggu Logistics Co.Ltd (1)</i>	9.320.920.568	9.551.170.338
+ <i>Namsung Tax (2)</i>	3.727.848.513	3.727.848.513
+ <i>Grand China Shipping Co., Ltd.</i>	1.328.360.089	1.328.360.089
+ <i>Qingdao Dongji Shipping Co., Ltd</i>	1.500.223	287.336.802
+ <i>Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Miền Nam</i>	1.317.893.624	1.373.765.880
+ <i>Dongji Container Line Co.,Limited</i>	322.283.529	2.709.541.779
+ <i>Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng</i>	2.936.796.716	3.084.341.185
+ <i>Công ty TNHH Al Ghurair Resources International</i>	915.874.829	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	32.675.991.674	37.941.199.514
- Tiền ký ngân của các hãng tàu	23.693.693.705	19.117.837.492
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam (3)	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.923.183.357	2.152.852.019
Dài hạn	1.784.700.288	1.816.487.884
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.784.700.288	1.816.487.884
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	134.027.741.494	105.513.128.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)**

(1) Khoản phải trả đối với Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd, giá trị là 9.320.920.568 đồng tồn đọng chưa xử lý: Nguyên nhân do Chi nhánh Vitamas kinh doanh dịch vụ Liner, thực hiện thu hộ khách hàng của hãng tàu và xuất hóa đơn (trong đó khách hàng cam kết không đòi trả lấy tiền dư thừa), và trả lại cho hãng tàu (trong đó có phát sinh chênh lệch do hãng tàu chỉ tính theo ngày công, dịch vụ đã cung cấp còn khách hàng thì thanh toán đầy đủ theo hóa đơn). Vì vậy, khoản chênh lệch này được lũy kế hình thành trong quá khứ và đang dư chưa xác định được phải trả cụ thể đối tượng nào lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 9.320.920.568 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 9.551.170.338 đồng). Theo Thư xác nhận tại ngày 08/10/2024 về việc xác nhận số dư tại ngày 31/12/2023 của hãng tàu Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd, đã xác nhận là Chi nhánh Vitamas không còn nợ phải thu hay nợ phải trả nào đến ngày 31/12/2023 (từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2025 không phải sinh thêm giao dịch nào khác) nên Chi nhánh Vitamas đã chuyển số dư này sang khoản phải trả khác với nội dung “Khoản phải trả chờ xử lý”.

(2) Khoản thuế nhà thầu (liên quan đến thuế VAT và thuế TNDN của nhà thầu) phát sinh tồn đọng lũy kế của hãng tàu Namsung từ nhiều năm đến ngày 31/12/2025 là 3.727.848.513 đồng: Đây là số dư tồn đọng lũy kế do cách tính thuế của Chi nhánh Vitamas đối với nhà thầu nước ngoài và biểu thuế của Việt Nam có sự khác biệt (số Chi nhánh Vitamas đang thu nộp thuế thay lớn hơn số thuế thực tế phải nộp phát sinh) nên phát sinh chênh lệch và tồn đọng lũy kế đến hiện tại. Chi nhánh Vitamas sẽ thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới và Chi nhánh Vitamas sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

(3) Là khoản Công ty nhận ký quỹ để đảm bảo thực hiện các dịch vụ liên quan đến đại lý tàu. Công ty TNHH SYMS Việt Nam đã tạm dừng hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động.

23. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	7.346.619.721	7.626.481.186
- Tăng trong năm	6.290.057.566	6.308.184.288
- Chi quỹ trong năm	(5.962.990.489)	(6.588.045.753)
Số cuối năm	7.673.686.798	7.346.619.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025		Trong năm		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.674.867.962	1.674.867.962	9.502.668.332	7.827.800.370	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng (*)	1.674.867.962	1.674.867.962	9.502.668.332	7.827.800.370	-	-
Cộng	1.674.867.962	1.674.867.962	9.502.668.332	7.827.800.370	-	-

(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/25543508/HĐTD ngày 28/03/2025 giữa Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (Công ty con) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng tối đa: 9.500.000.000 đồng;
- Mục đích vay: phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Biện pháp bảo đảm: thế chấp bằng tài sản là các phương tiện giao thông thuộc sở hữu của Công ty bao gồm 12 xe đầu kéo, 12 Sơ mi rơ moóc, 03 xe tải, 01 xe ô tô Toyota và 01 xe ô tô Renault.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	140.964.860.000	157.223.257.335	73.893.286.714	372.081.404.049
- Lãi trong năm	-	-	21.916.290.435	21.916.290.435
- Phân phối lợi nhuận		8.690.298.529	(60.107.238.017)	(51.416.939.488)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.690.298.529	(8.690.298.529)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.841.384.288)	(5.841.384.288)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(466.800.000)	(466.800.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(45.108.755.200)	(45.108.755.200)
Tại 31/12/2024	140.964.860.000	165.913.555.864	35.702.339.132	342.580.754.996
Tại 01/01/2025	140.964.860.000	165.913.555.864	35.702.339.132	342.580.754.996
- Lãi trong năm	-	-	23.735.928.303	23.735.928.303
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	3.143.803.203	(30.578.589.769)	(27.434.786.566)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.143.803.203	(3.143.803.203)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.827.467.566)	(5.827.467.566)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(462.590.000)	(462.590.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(21.144.729.000)	(21.144.729.000)
Tại 31/12/2025	140.964.860.000	169.057.359.067	28.859.677.666	338.881.896.733

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2025, Công ty phân phối lợi nhuận cho phần trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành và chia cổ tức như đã trình bày trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	51,05%	71.968.380.000	51,05%	71.968.380.000
Các cổ đông khác	48,95%	68.996.480.000	48,95%	68.996.480.000
Cộng	100%	140.964.860.000	100%	140.964.860.000

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	140.964.860.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	140.964.860.000	140.964.860.000
Cổ tức đã chia	21.144.729.000	45.108.755.200
Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu	-	-

25.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.096.486	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	14.096.486	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	14.096.486	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

25.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	169.057.359.067	165.913.555.864
Cộng	169.057.359.067	165.913.555.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Tại 31/12/2025</u>	<u>Tại 01/01/2025</u>
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Nguyên tệ</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	2.465.242,56	1.731.333,35
Đồng Rúp Nga (RUB)	4.890,00	5.707.044,18

27. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Tổng Doanh thu	1.079.615.180.211	1.101.209.084.537
- Doanh thu đại lý vận tải	719.975.864.791	698.551.377.502
- Doanh thu kinh doanh kho bãi	132.827.668.108	134.642.750.229
- Doanh thu đại lý tàu	67.449.744.843	62.468.025.358
- Doanh thu đại lý Liner	36.234.576.413	37.453.712.741
- Doanh thu kiểm kiện	24.221.460.646	25.678.916.132
- Doanh thu bán hàng hóa	-	59.366.520.804
- Doanh thu dịch vụ khác	98.905.865.410	83.047.781.771
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
c. Doanh thu thuần	1.079.615.180.211	1.101.209.084.537
d. Doanh thu với các bên liên quan	9.775.368.549	5.279.853.147
- Công ty Vận tải Biển VIMC	30.240.741	1.511.389.767
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	564.814.860	393.518.550
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	272.360.000	281.804.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	-	10.083.500
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.798.366.485	1.693.573.960
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	14.380.000	24.436.111
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	14.021.111
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	144.000.000	144.000.000
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	1.320.050	2.800.270
- Công ty Cổ phần Vận Tải Container VIMC	3.978.927.659	1.203.425.878
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	24.074.074	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	-	800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	946.884.680	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn đại lý vận tải	696.765.996.533	674.775.378.886
Giá vốn kinh doanh kho bãi	125.292.176.290	123.973.780.895
Giá vốn đại lý tàu	41.101.477.910	39.067.139.035
Giá vốn đại lý Liner	17.063.887.512	23.344.186.829
Giá vốn kiểm kiện	14.776.374.337	13.254.903.804
Giá vốn bán hàng hóa	-	58.037.909.463
Giá vốn dịch vụ khác	87.715.737.825	82.982.907.568
Cộng	982.715.650.407	1.015.436.206.480

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.516.009.458	3.692.130.815
Lãi bán các khoản đầu tư	-	80.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.304.989.221	1.993.595.460
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.804.288.624	12.622.271.251
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	183.645.147	111.345.785
Cộng	19.808.932.450	18.499.343.311

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.355.581.139	3.738.163.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	529.265.500	350.816.760
Chi phí lãi vay	97.003.754	-
Chi phí tài chính khác	-	989.650
Cộng	2.981.850.393	4.089.969.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.189.512.971	73.260.286.959
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.547.385	450.455.598
- Chi phí nhân viên quản lý	51.263.859.052	42.815.498.657
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng	3.916.079.950	3.108.909.932
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.052.686.045	2.232.616.682
- Thuế, phí và lệ phí	1.529.467.987	1.475.580.927
- Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	19.174.321	47.935.805
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.177.670.332	10.820.534.145
- Chi phí bằng tiền khác	9.681.027.899	12.308.755.213

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	90.000.000	134.360.270
Tiền phạt thu được	-	1.421.372.001
Thu nhập khác	606.105.305	126.024.840
Cộng	696.105.305	1.681.757.111

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	40.611.350
Phạt vi phạm hợp đồng	351.458.084	-
Các khoản bị phạt khác	520.895.703	350.485.112
Các khoản chi phí khác	1.963.614.671	35.365.660
Cộng	2.835.968.458	426.462.122

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.397.235.737	27.804.371.376
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	2.783.892.351	1.350.790.094
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	6.317.036.105	5.689.183.533
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(3.533.143.754)	(4.338.393.439)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	33.181.128.088	29.155.161.470
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	33.181.128.088	29.155.161.470
Cộng thuế TNDN hiện hành	6.636.225.617	5.831.032.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu	25.081.817	57.048.646
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.081.817	57.048.646

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	23.735.928.303	21.916.290.435
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(6.290.057.566)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	14.096.486	14.096.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.684	1.109

(*) Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025. Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu so sánh cho năm 2024 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra trong năm 2025, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có thông tin về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2025. Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi này sẽ được thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

37. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.419.597.518	10.129.229.083
Chi phí nhân công	134.505.757.077	118.713.878.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.704.882.174	10.176.686.952
Chi phí dự phòng	19.174.321	47.935.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	872.567.072.283	850.216.389.025
Chi phí bằng tiền khác	36.688.680.005	41.374.464.903
Cộng	1.063.905.163.378	1.030.658.583.976

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***39. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2025	Đại lý vận tải	Đại lý tàu	Kinh doanh kho bãi	Đại lý liner	Kiểm kiện	Bán hàng hóa	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	719.975.864.791	67.449.744.843	132.827.668.108	36.234.576.413	24.221.460.646	-	98.905.865.410	1.079.615.180.211
Giá vốn bộ phận	(696.765.996.533)	(41.101.477.910)	(125.292.176.290)	(17.063.887.512)	(14.776.374.337)	-	(87.715.737.825)	(982.715.650.407)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.209.868.258	26.348.266.933	7.535.491.818	19.170.688.901	9.445.086.309	-	11.190.127.585	96.899.529.804
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(81.189.512.971)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								15.710.016.833
Doanh thu hoạt động tài chính								19.808.932.450
Chi phí tài chính								(2.981.850.393)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết								-
Thu nhập khác								696.105.305
Chi phí khác								(2.835.968.458)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(6.636.225.617)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								(25.081.817)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								23.735.928.303
Tổng Tài sản								640.143.907.854
Tổng Nợ phải trả								301.262.011.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2024	Đại lý vận tải	Đại lý tàu	Kinh doanh kho bãi	Đại lý liner	Kiểm kiện	Bán hàng hóa	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	698.551.377.502	62.468.025.358	134.642.750.229	37.453.712.741	25.678.916.132	59.366.520.804	83.047.781.771	1.101.209.084.537
Giá vốn bộ phận	(674.775.378.886)	(39.067.139.035)	(123.973.780.895)	(23.344.186.829)	(13.254.903.804)	(58.037.909.463)	(82.982.907.568)	(1.015.436.206.480)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.775.998.616	23.400.886.323	10.668.969.334	14.109.525.912	12.424.012.328	1.328.611.341	64.874.203	85.772.878.057
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(73.260.286.959)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								12.512.591.098
Doanh thu hoạt động tài chính								18.499.343.311
Chi phí tài chính								(4.089.969.856)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết								(372.888.166)
Thu nhập khác								1.681.757.111
Chi phí khác								(426.462.122)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(5.831.032.295)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								(57.048.646)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								21.916.290.435
Tổng Tài sản								617.239.485.563
Tổng Nợ phải trả								274.658.730.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Công ty Vận tải Biển VIMC	30.240.741	1.511.389.767
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	564.814.860	393.518.550
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	272.360.000	281.804.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	-	10.083.500
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.798.366.485	1.693.573.960
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	14.380.000	24.436.111
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	1.320.050	2.800.270
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	3.978.927.659	1.203.425.878
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	144.000.000	144.000.000
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	24.074.074	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	946.884.680	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	14.021.111
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	-	800.000
Mua/Sử dụng hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.566.698.000	472.945.132
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.725.265	454.152
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	491.740.250	282.333.000
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	1.555.403.365	1.299.763.090
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	57.480.000	85.649.226
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	-	1.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	262.005.000	256.235.279
- Công ty Cổ phần Lai Dắt Và Vận Tải Cảng Hải Phòng	-	29.273.530
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	15.925.926	8.793.885
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	-	2.665.170
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	1.960.000	3.400.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	124.974.895	-
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	15.294.029.628	970.000
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	-	2.729.772.327
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	-	296.794.484
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	-	310.859.357
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	61.878.840	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	26.400.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch Vụ Hàng Hải Cảng Sài Gòn	302.467.200	-
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	2.065.593.011	1.810.868.714
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	131.885.000	127.715.000
- Công ty liên doanh Bông Sen	107.511.210	55.011.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	280.670.290	184.396.750
- Ông Vũ Phước Long - Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	28.519.989	508.190.220
- Ông Nguyễn Đình Tú - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty (miễn nhiệm ngày 01/04/2025)	364.667.389	1.099.607.627
- Ông Trần Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng Quản trị	277.414.860	145.528.500
- Ông Nguyễn Đức Thiện - Thành viên Hội đồng Quản trị	582.090.160	400.785.200
- Ông Trần Hồng Quang - Thành viên Hội đồng Quản trị	175.814.860	107.728.500
- Bà Nguyễn Bích Thảo - Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	12.156.250	271.285.215
- Ông Nguyễn Thế Tiếp - Thành viên Hội đồng Quản trị	227.234.860	126.088.500
- Ông Phan Nhân Thảo - Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/11/2025)	194.491.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/11/2025)	614.237.471	806.377.800
- Ông Hoàng Việt - Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	21.938.453	61.852.500
- Ông Nguyễn Hồng Hải - Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2025)	155.834.860	116.136.500
- Ông Đặng Hồng Trường - Thành viên Ban Kiểm soát	149.400.407	56.112.000
- Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng Ban Kiểm soát	153.140.407	56.112.000
- Ông Nguyễn Sơn Hà - Thành viên Ban Kiểm soát	133.808.407	49.228.000
- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Thành viên ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 26/6/2025)	38.876.000	-
- Bà Trần Thị Hạnh - Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	21.938.453	57.832.500
Cộng	3.432.234.116	4.047.261.812
Số dư với các bên liên quan	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	55.000.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	16.200.000	36.586.080
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	25.920.000	64.800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	143.571.824	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	847.985.954	429.355.145
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	1.025.350.000	387.800.000
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	15.142.800
Trả trước cho người bán		
- Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Hàng Hải VIMC- Chi Nhánh Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	330.026.400	-
Phải thu khác		
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	357.798.600	357.798.600
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	1.505.189.510	1.664.846.256
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	139.027.181
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	1.818.943.011	1.573.644.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Người mua trả tiền trước		
- Công ty Cổ phần vận Tải biển và Thương mại Phương Đông	2.010.286	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	581.077.746	254.201.458
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	195.745.406	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt nam - CTCP	104.400.000	20.039.871
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.619.277.295	3.575.217.879
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	11.621.277	-
Phải trả khác		
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	3.349.781.405	2.085.148.635
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	-	198.779
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	-	224.573.843
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	76.370.911	484.526.024
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	-	54.708.779
- Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	-	1.157.429.129
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	458.307.520

41. THÔNG TIN KHÁC

41.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050, diện tích khu đất thuê là 10.000 m2. Công ty thực hiện trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại Hợp đồng thuê đất với Sở Địa chính - Nhà đất Tp.HCM.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 25, đường Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải phòng để sử dụng làm văn phòng và cung cấp các dịch vụ khác từ năm 2016 đến năm 2066. Diện tích khu đất thuê là 2.668,3 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt trụ sở các Chi nhánh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Chi nhánh, kho bãi, cung cấp dịch vụ với thời hạn thuê từ 02 năm đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

41.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Tập đoàn.

41.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

41.4 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Các thông tin khác phát sinh trong năm của Tập đoàn:

- Theo đề án ngày 11/10/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Vitamas để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Vitamas, Công ty TNHH Vitamas đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318218907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/12/2023. Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.
- Theo đề án ngày 20/10/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Đại lý Vận Tải Quốc Tế Phía Bắc để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Northfreight, Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202226899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/12/2023. Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.
- Theo Quyết định số 222/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2024 về việc thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Sài Gòn, Công ty TNHH VOSA Sài Gòn đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318797147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/01/2025. Theo đó, kể từ ngày 03/01/2025 trở đi, toàn bộ nhân viên của Chi nhánh Sài Gòn đã được chuyển sang ký Hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty TNHH VOSA Sài Gòn đồng thời toàn bộ hoạt động của Chi nhánh cũng được chuyển đổi qua Công ty TNHH Sài Gòn thực hiện từ ngày 03/01/2025 (ngoại trừ các hợp đồng dở dang phát sinh từ trước ngày 03/01/2025 vẫn tiếp tục được thực hiện tại Chi nhánh). Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

41.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Tập đoàn đã được kiểm toán. Trong đó, một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 36 và 37 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Cụ thể:

Năm 2024				
Chỉ tiêu	Mã số	Sau điều chỉnh (VND)	Trước điều chỉnh (VND)	Số điều chỉnh (VND) Tăng(+)/ Giảm(-)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.109	1.555	(446)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.109	1.555	(446)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Lê Phạm Mỹ Hằng

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phan Nhân Thảo

